



chūn xuān

椿萱

noun · parents (literary term)

Example Sentences

tā zhù yuàn chūn xuān cháng shòu ān kāng

他祝愿椿萱长寿安康。

He wishes his parents a long and healthy life.

chūn xuān yī cí zài gǔ shī zhōng cháng yòng lái dài zhǐ fù mǔ

“椿萱”一词在古诗中常用来代指父母。

The term 'chun xuan' is often used in classical poetry to refer to one's parents.

Trace each character, then write the word on your own.

椿	椿	椿	椿	椿	椿	椿	椿	椿	椿	椿
椿	椿	椿	椿	椿						
萱	萱	萱	萱	萱	萱	萱	萱	萱	萱	萱
萱	萱	萱	萱							